

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Diệp

2. Bà Âu Thị Kiều Sương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 633/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thủy Tiên**, sinh năm 1986. Địa chỉ: số A, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông **Võ Xuân A**, sinh năm 1987; Địa chỉ: số X, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản làm việc và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Bà T và ông Võ Xuân A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, ông A thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới không quan tâm chăm sóc vợ con, nhiều lần gây nộ nân. Bà T cũng đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng đã rút yêu cầu để cho ông A cơ hội sửa chữa nhưng đến nay ông A vẫn không thay đổi. Bà T đã không còn sống

chung từ nhiều năm nay. Do không còn tình cảm với ông A nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Võ Xuân A, bà T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Ngọc Hiếu T1, sinh ngày 19/5/2017 và Võ Ngọc Huy H, sinh ngày 05/3/2020; bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Võ Xuân A trình bày:

Ông A thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì do thương vợ nên ông A có ghen tuông nhưng bản thân ông A vẫn cố gắng quan tâm chăm sóc vợ con đầy đủ. Hai vợ chồng không sống chung là do bên gia đình vợ, mẹ vợ không muốn ông A sống chung với bà T, muốn chia rẽ tình cảm vợ chồng; ông A nhiều lần khuyên vợ ông A nhưng vợ ông A không nghe. Ông A vẫn còn thương vợ thương con nên ông A không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì ông A không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Ngọc Hiếu T1, sinh ngày 19/5/2017 và Võ Ngọc Huy H, sinh ngày 05/3/2020; nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn thì ông A đồng ý để bà T nuôi 02 con, nhưng phải tạo điều kiện để ông A được tới lui thăm và chăm sóc con chung; ông A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông A, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T tiếp tục nuôi 02 con chung là Võ Ngọc Hiếu T1, sinh ngày 19/5/2017 và Võ Ngọc Huy H, sinh ngày 05/3/2020, ông A không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân

sự 2015. Bị đơn ông Võ Xuân A có nơi cư trú tại số X, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2015 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, ông A thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi bới không quan tâm chăm sóc vợ con, nhiều lần gây nợ nần. Bà T cũng đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng đã rút yêu cầu để cho ông A cơ hội sửa chữa nhưng đến nay ông A vẫn không thay đổi. Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2023, bà Đoàn Thị H1 (là mẹ ruột của ông A) trình bày: được nghe nói lại vợ chồng mâu thuẫn là do gia đình bên vợ của ông A không muốn hai vợ chồng hàn gắn, bản thân bà H1 cũng nhiều lần năn nỉ bà T nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn (BL48). Tại biên bản xác minh ngày 06/12/2023, bà Nguyễn Thị Kiều H2 (là mẹ ruột của bà T) trình bày: quá trình chung sống hai vợ chồng không hạnh phúc, ông A thường xuyên chửi bới, gây gỗ lớn tiếng, bà T cũng nhiều lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để hàn gắn nhưng không có kết quả do ông A không thay đổi tính tình (BL49). Bà T đã hai lần nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông A nhưng sau đó rút đơn khởi kiện (thể hiện qua Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Trong lần khởi kiện yêu cầu ly hôn này, bản thân bà T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A. Từ những căn cứ nêu trên đã đủ cơ sở xác định được việc hàn gắn tình cảm cho bà T và ông A không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông A là phù hợp quy định pháp luật. Bà T, ông A tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung tên: Võ Ngọc Hiếu T1, sinh ngày 19/5/2017 và Võ Ngọc Huy H, sinh ngày 05/3/2020, hiện đang sống với bà T và bà T có yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Để chứng minh điều kiện nuôi con của mình, bà T cung cấp hợp đồng lao động và 03 phiếu lương của 03 tháng liên tục thể hiện bà T có công việc và thu nhập ổn định. Tại biên bản xác minh ngày

06/12/2023, bà Nguyễn Thị Kiều H2 (là mẹ ruột của bà T) trình bày: bà T làm công nhân có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con, ngoài ra còn có bà H2 phụ giúp trong việc chăm sóc các cháu (BL49). Mặc khác, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông A đồng ý để bà T nuôi 02 con chung. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho các con chung nên giao 02 con chung tên: Võ Ngọc Hiếu T1, sinh ngày 19/5/2017 và Võ Ngọc Huy H, sinh ngày 05/3/2020 cho bà Nguyễn Thị Thủy T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thủy T đối với ông Võ Xuân A. Bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Võ Xuân A. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Võ Xuân A chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thủy T, ông Võ Xuân A không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T tiếp tục nuôi 02 con chung tên: Võ Ngọc Hiếu T1, sinh ngày 19/5/2017 và Võ Ngọc Huy H, sinh ngày 05/3/2020; ông Võ Xuân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Thủy T tự nguyện không yêu cầu.

Ông Võ Xuân A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T, ông Võ Xuân A khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0001596 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Thủy T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- UBND xã Quới Sơn;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền